

Phụ lục số 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BỘ (UBND, TĐKT, TCT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...

..., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt phương án cổ phần hóa (tên doanh nghiệp)

BỘ TRƯỞNG BỘ .../CHỦ TỊCH UBND.../...

Căn cứ Nghị định số... ngày... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức ...

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Căn cứ Thông tư số .../2021/TT-BTC ngày ... của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá trị doanh nghiệp và xử lý tài chính khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... của Bộ trưởng Bộ ... /Chủ tịch Ủy ban nhân dân.../... về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp (tên doanh nghiệp);

Theo đề nghị của Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án cổ phần hoá doanh nghiệp (tên doanh nghiệp) với nội dung chính như sau:

1.1. Tên công ty cổ phần:

- Tên giao dịch quốc tế:
- Tên viết tắt:
- Trụ sở chính:

1.2. Công ty cổ phần có:

- Tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp.
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập.
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
- Được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp; được đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

1.3. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành:

- a) Vốn điều lệ: ... đồng; Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng;
- b) Giá khởi điểm khi bán đấu giá công khai ra công chúng: ... đồng
- c) Cổ phần phát hành lần đầu: ... cổ phần, trong đó:
 - + Cổ phần nhà nước/cổ phần (tên doanh nghiệp cấp I): ... cổ phần, chiếm ...% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: ...cổ phần, chiếm ... % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp: ...cổ phần, chiếm ...% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: ... cổ phần, chiếm ... % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: ... cổ phần chiếm ... % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần bán theo phương thức bảo lãnh phát hành/phương thức dựng sổ: ... cổ phần chiếm ... % vốn điều lệ (nếu có)

1.4. Phương án sử dụng đất của doanh nghiệp: *(Theo phương án sử dụng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định)*

1.5. Phương án sắp xếp lao động:

- Tổng số lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp: ... người
- Tổng số lao động chuyển sang công ty cổ phần: ... người.

- Tổng số lao động dôi dư: ... người.

1.6. Dự toán chi phí cổ phần hoá: ... đồng.

Tổng giám đốc/Giám đốc (tên doanh nghiệp) quyết định và chịu trách nhiệm về các chi phí thực tế cần thiết phục vụ quá trình cổ phần hoá công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.7. Dự toán kinh phí lao động dôi dư: ... đồng.

Việc quyết toán kinh phí lao động dôi dư thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 2. Ban chỉ đạo cổ phần hoá có trách nhiệm chỉ đạo (tên doanh nghiệp) tiến hành bán cổ phần theo quy định, thẩm tra và trình Bộ trưởng.../Chủ tịch UBND.../... quyết định phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hoá, kinh phí lao động dôi dư.

Tổng giám đốc/Giám đốc (tên doanh nghiệp) có trách nhiệm điều hành, quản lý công ty cho đến khi bàn giao toàn bộ tài sản, vốn, lao động... cho công ty cổ phần và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hoá, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Chỉ đạo ĐM&PTDN;
- Bộ Tài chính;
- Lưu: VT,...

BỘ TRƯỞNG .../CHỦ TỊCH UBND .../...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HOÁ

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hoá:
2. Ngành nghề kinh doanh:
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu:
4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần, trong đó:
 - Số lao động có trình độ đại học và trên đại học:
 - Số lao động có trình độ cao đẳng, trung cấp:
 - Số lao động đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề:
 - Số lao động chưa qua đào tạo:
5. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm .../.../20...: ... đồng, trong đó: Giá trị phần vốn nhà nước/ vốn của (tên doanh nghiệp cấp I) tại doanh nghiệp là: ... đồng (kèm theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp)
6. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp (kèm theo Biểu xác định giá trị tài sản):
 - Tổng số diện tích đất đai doanh nghiệp đang sử dụng: ... m², trong đó:
 - + Diện tích đất thuê: ... m², tại... *(ghi rõ đang sử dụng để làm gì)*
 - + Diện tích đất giao: ... m², tại ... *(ghi rõ đang sử dụng để làm gì và giá trị quyền sử dụng đất tính vào giá trị doanh nghiệp là bao nhiêu)*
 - Máy móc, thiết bị:
 - Phương tiện vận tải:
7. Danh sách công ty mẹ và công ty con:
8. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá:
 - 8.1. Tình hình hoạt động kinh doanh:
 - a. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm (tỷ lệ từng loại sản phẩm/dịch vụ trong doanh thu, lợi nhuận)
 - b. Nguyên vật liệu
 - Nguồn nguyên vật liệu;
 - Sự ổn định của các nguồn cung cấp này;
 - Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận.
 - c. Chi phí sản xuất (cao hay thấp, có tính cạnh tranh hay không?)

d. Trình độ công nghệ:

đ. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (nếu có)

e. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng;

- Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty.

g. Hoạt động Marketing:

h. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

i. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết (nêu tên, trị giá, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng)

8.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hoá:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20....
1. Tổng giá trị tài sản				
2. Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán				
3. Nợ vay ngắn hạn Trong đó, nợ quá hạn				
4. Nợ vay dài hạn Trong đó, nợ quá hạn				
5. Nợ phải thu khó đòi				
6. Tổng số lao động				
7. Tổng quỹ lương				
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng				
9. Tổng doanh thu				
10. Tổng chi phí				
11. Lợi nhuận thực hiện				
12. Lợi nhuận sau thuế				
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước				

Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong 3 năm gần nhất)

8.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong

năm báo cáo (nêu rõ những nhân tố tác động chính đến tình hình kinh doanh của công ty trong năm báo cáo. Trường hợp tình hình kinh doanh của công ty giảm sút, cần giải trình rõ nguyên nhân)

9. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

- Vị thế của công ty trong ngành;
- Triển vọng phát triển của ngành;
- Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

10. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá:

a. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển doanh nghiệp sau khi cổ phần hoá

b. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hoá:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 202...	Năm 202...	Năm 202...
1. Kế hoạch đầu tư XD CB:				
- Công trình A				
- Công trình B				
2. Vốn điều lệ				
3. Tổng số lao động				
4. Tổng quỹ lương				
5. Thu nhập bình quân 1 người/tháng				
6. Tổng doanh thu				
7. Tổng chi phí				
8. Lợi nhuận thực hiện				
9. Tỷ lệ cổ tức				

11. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:

a. Vốn điều lệ: ... đồng (100%), trong đó:

- Giá trị cổ phần nhà nước/cổ phần (tên doanh nghiệp cấp I) nắm giữ: ...%
- Giá trị cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: ...%
- Giá trị cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp: ...%
- Giá trị cổ phần bán cho các nhà đầu tư chiến lược: ...%

- Giá trị cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: ...%

(Đối với những lĩnh vực, ngành nghề, loại hình doanh nghiệp mà Nhà nước có quy định số cổ phần tối đa nhà đầu tư nước ngoài được mua thì ghi rõ tỷ lệ phần trăm nhà đầu tư nước ngoài được mua trong cơ cấu vốn điều lệ)

b. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần (nếu có)

12. Rủi ro dự kiến (theo đánh giá của doanh nghiệp hoặc tổ chức tư vấn):

- Rủi ro về kinh tế
- Rủi ro về luật pháp
- Rủi ro đặc thù (ngành, công ty, lĩnh vực hoạt động)
- Rủi ro của đợt chào bán
- Rủi ro khác

13. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần:

a. Phương thức bán (bao gồm cả số lượng cổ phần và giá bán):

- Đối với người lao động:
- Đối với tổ chức công đoàn:
- Đối với nhà đầu tư chiến lược:
- Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:

b. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:

14. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá

15. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về doanh nghiệp cổ phần hoá:

**ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN
HÓA**

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

**ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN
HÓA**

(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 3

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính)

THÔNG TIN CHỦ YẾU VỀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN

Thông tin của ...(tên doanh nghiệp) thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng

1. Tên, địa chỉ của doanh nghiệp cổ phần hoá:
2. Ngành nghề kinh doanh.
3. Vốn điều lệ: ... đồng; tương đương: ... cổ phần. Trong đó:
 - Cổ phần Nhà nước/cổ phần (tên doanh nghiệp cấp I) nắm giữ: ... cổ phần
 - Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược: ...cổ phần.
 - Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: ...cổ phần.
 - Cổ phần bán cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp: ...cổ phần.
 - Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư thông thường: ...cổ phần.
 - Cổ phần bán theo phương thức khác (bảo lãnh phát hành; dựng số): ...cổ phần.
4. Giá khởi điểm.
5. Tên, địa chỉ tổ chức bán đấu giá.
6. Điều kiện tham dự đấu giá.
7. Thời gian và địa điểm phát đơn.
8. Thời gian, địa điểm nộp đơn và tiền đặt cọc.
9. Thời gian và địa điểm bán đấu giá.

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 202...

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ GIỮA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC của Công ty...

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100%) vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ

I. Phương thức đấu giá (thông qua Sở giao dịch chứng khoán)

II. Địa điểm đấu giá:

III. Giá khởi điểm:

IV. Thành phần tham gia đấu giá:

1. Hội đồng đấu giá
2. Đại diện Sở giao dịch chứng khoán:
3. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hoá:
4. Đại diện doanh nghiệp:

5. Các nhà đầu tư chiến lược tham gia đấu giá (danh sách đính kèm)

V. Tình hình và kết quả đấu giá như sau:

1. Tổng số nhà đầu tư chiến lược tham dự:
2. Tổng số lượng cổ phần đăng ký mua hợp lệ:
3. Giá mua cao nhất:
4. Giá mua thấp nhất:
5. Giá đấu thành công bình quân:

Số TT	Tên nhà đầu tư	Số CMND/CCCD/Hộ chiếu hoặc ĐKKD	Số lượng cổ phần đặt mua (1)	Mức giá đặt mua (1)	Số lượng cổ phần trúng đấu giá (2)	Giá trúng đấu giá (2)
1	Nhà đầu tư A					
2	Nhà đầu tư B					
3	Nhà đầu tư C					

Ghi chú:

(1) Kê toàn bộ danh sách nhà đầu tư tham gia đấu giá (kể cả nhà đầu tư không trúng đấu giá) theo trình tự từ cao xuống thấp đối với giá đặt mua.

(2) Chỉ kê những trường hợp trúng đấu giá.

VI. Nhận xét và kiến nghị:

.....

Biên bản này được lập vào hồi... ngày ... tháng ... năm ... tại ... và đã được các bên nhất trí thông qua./.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG ĐẤU GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng ... năm 202...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN VÀ ĐƯA CỔ PHẦN VÀO GIAO DỊCH
TRÊN HỆ THỐNG GIAO DỊCH UPCOM**

Kính gửi:

- ... (Tên Tổ chức thực hiện bán đấu giá)
- Sở giao dịch chứng khoán ...
- Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

Thực hiện Quyết định số ... ngày ... tháng... năm...của ...về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá, Ban chỉ đạo cổ phần hoá của (tên tổ chức phát hành) đăng ký thực hiện bán đấu giá cổ phần tại (Tên Tổ chức thực hiện bán đấu giá), đăng ký cổ phần và đăng ký giao dịch cổ phần trên hệ thống giao dịch UpCoM.

1. Thông tin về Tổ chức phát hành

- Tên giao dịch (đầy đủ):
- Tên Tiếng Anh:
- Tên viết tắt:
- Trụ sở chính:
- Điện thoại: Fax:
- Vốn điều lệ:
- Số tài khoản ... tại Ngân hàng: ...
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: do: cấp lần đầu ngày ..., cấp thay đổi lần thứ... ngày

2. Thông tin về việc tổ chức đấu giá bán cổ phần

- Số lượng cổ phần bán đấu giá:
- Thời gian dự kiến tổ chức đấu giá:

3. Cổ phần đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM

- Đề xuất của công ty về mã cổ phần:

Số lượng cổ phần đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCoM là số cổ phần trúng đấu giá đã hoàn tất nghĩa vụ thanh toán.

Ban chỉ đạo cổ phần hóa đề nghị các đơn vị phối hợp thực hiện./.

** Danh mục tài liệu đính kèm:*

- Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp;
- Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa;
- Thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa (theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính);
- Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần;
- Các tài liệu khác liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
- Lưu: VT,.....

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN
HÓA**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng...năm 202...

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ ĐẤU GIÁ CÔNG KHAI của Công ty

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

Căn cứ Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần;

Căn cứ

I. Phương thức đấu giá (thông qua Tổ chức trung gian, Sở giao dịch chứng khoán)

II. Địa điểm đấu giá:

III. Giá khởi điểm:

IV. Thành phần tham gia đấu giá:

1. Hội đồng đấu giá
2. Đại diện Tổ chức thực hiện bán đấu giá:
3. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hoá:
4. Đại diện doanh nghiệp:
5. Các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá (danh sách đính kèm)

V. Tình hình và kết quả đấu giá như sau:

1. Tổng số người tham dự:
2. Tổng số lượng cổ phần đăng ký mua hợp lệ:
3. Giá mua cao nhất:
4. Giá mua thấp nhất:
5. Giá đấu thành công bình quân:

Số TT	Tên nhà đầu tư	Số CMND/CCCD /HỘ chiếu hoặc ĐKKD	Số lượng cổ phần đặt mua (1)	Mức giá đặt mua (1)	Số lượng cổ phần trúng đấu giá (2)	Giá trúng đấu giá (2)
1	Nhà đầu tư A					
2	Nhà đầu tư B					
3	Nhà đầu tư C					

Ghi chú:

(1) Kê toàn bộ danh sách nhà đầu tư tham gia đấu giá (kể cả nhà đầu tư không trúng đấu giá) theo trình tự từ cao xuống thấp đối với giá đặt mua.

(2) Chỉ kê những trường hợp trúng đấu giá.

VI. Nhận xét và kiến nghị:

.....

Biên bản này được lập vào hồi... ngày ... tháng...năm... tại.... và đã được các bên nhất trí thông qua./.

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG ĐẤU GIÁ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁN ĐẤU GIÁ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 7a

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày.... tháng.... năm 202...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MUA CỔ PHẦN
(Đối với nhà đầu tư trong nước)**

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân tham gia:

--

Địa chỉ:

--

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

--	--	--

Số CMND/CCCD/Số ĐKKD (đối với tổ chức):

Cấp ngày

Cấp tại:

	/ /	
--	-----	--

Tên người được ủy quyền (nếu có):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

--	--

Số tài khoản tiền (nếu có):

Chủ tài khoản:

Ngân hàng:

--	--	--

(Số tài khoản này sẽ được dùng để chuyển trả tiền cọc cho NĐT trong trường hợp không trúng giá)

Số tài khoản chứng khoán:

Mở tại công ty chứng khoán:

--	--

(Số tài khoản này dùng để lưu ký chứng khoán trong trường hợp nhà đầu tư trúng đấu giá và thanh toán. Trường hợp nhà đầu tư chưa có tài khoản chứng khoán, công ty chứng khoán là đại lý đấu giá có trách nhiệm mở tài khoản cho nhà đầu tư)

Số cổ phần đăng ký mua:

Bằng chữ:

--	--

Tổng số tiền đặt cọc:

Bằng chữ:

--	--

Sau khi nghiên cứu hồ sơ bán đấu giá cổ phần của

--

Tôi/ chúng tôi tự nguyện tham gia cuộc đấu giá do Quý sở tổ chức và cam kết thực hiện nghiêm túc quy định về đấu giá và kết quả đấu giá do Quý Sở công bố. Nếu vi phạm, tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VIẾT ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 7b

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày.... tháng.... năm 202...

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM GIA MUA CỔ PHẦN
(Đối với nhà đầu tư nước ngoài)**

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân tham gia:

Quốc tịch:

--	--

Địa chỉ:

--

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

--	--	--

Số CMND/CCCD/Số ĐKKD (đối với tổ chức):

Cấp ngày

Cấp tại:

	/ /	
--	-----	--

Tên người được ủy quyền (nếu có):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

--	--

Số tài khoản tiền:

Chủ tài khoản:

Ngân hàng:

--	--	--

(Số tài khoản này sẽ được dùng để chuyển trả tiền cọc cho NĐT trong trường hợp không trúng giá)

Số tài khoản chứng khoán:

Mở tại công ty chứng khoán:

--	--

--	--

(Số tài khoản này dùng để lưu ký chứng khoán trong trường hợp NĐT trúng đấu giá và thanh toán. Trường hợp nhà đầu tư chưa có tài khoản chứng khoán, công ty chứng khoán là đại lý đấu giá có trách nhiệm mở tài khoản cho nhà đầu tư)

Số cổ phần đăng ký mua:

Bằng chữ:

--	--

Tổng số tiền đặt cọc:

Bằng chữ:

--	--

Sau khi nghiên cứu hồ sơ bán đấu giá cổ phần của

--

Tôi/chúng tôi tự nguyện tham dự cuộc đấu giá do Quý Sở tổ chức và cam kết thực hiện nghiêm túc quy định về đấu giá và kết quả đấu giá do Quý Sở công bố.

Nếu vi phạm, tôi/chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam./.

Bản sao xác nhận ủy quyền gửi kèm ☐

**XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC CUNG
ỨNG DỊCH VỤ CUNG ỨNG DỊCH VỤ
THANH TOÁN**

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VIẾT ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

Phụ lục số 8
QUY CHẾ MẪU

VỀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN RA CÔNG CHÚNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) được thực hiện qua ... (tên Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp cổ phần hóa* là ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa).
2. *Bán đấu giá cổ phần* là hình thức bán cổ phần của doanh nghiệp ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) công khai cho các đối tượng có sự cạnh tranh về giá.
3. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP), khoản 3 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 140/2020/NĐ-CP).
4. *Cơ quan quyết định cổ phần hóa* là (tên cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa).
5. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là ... (tên cơ quan đại diện chủ sở hữu).
6. *Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần* là ... (tên tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần).
7. *Tổ chức tư vấn bán cổ phần* là ... (tên Tổ chức tư vấn bán cổ phần).
8. *Mệnh giá cổ phần* là 10.000 đồng.
9. *Giá khởi điểm* là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng Việt Nam).
10. *Bước giá* là khoảng cách giá giữa các lần đặt mua liên tiếp tính từ giá khởi điểm.
11. *Bước khối lượng* là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp.

12. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá.

13. *Tiền đặt cọc* là một khoản tiền ứng trước của nhà đầu tư tham gia mua cổ phần để đảm bảo quyền mua cổ phần.

14. *Cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công* là cuộc đấu giá thuộc một trong những trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/05/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ chuyển đổi thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Thông tư số 32/2021/TT-BTC), bao gồm những trường hợp sau:

- a) Không có nhà đầu tư đăng ký tham gia;
- b) Chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia;
- c) Tất cả các nhà đầu tư không nộp phiếu tham dự đấu giá;
- d) Tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

15. *Hội đồng bán đấu giá cổ phần* là tổ chức thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, đại diện doanh nghiệp cổ phần hóa, đại diện Tổ chức thực hiện bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần là Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa hoặc thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa do Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền bằng văn bản.

16. *Đại lý đấu giá* là các công ty chứng khoán tham gia vào việc tổ chức đấu giá trên cơ sở hợp đồng đại lý với Sở giao dịch chứng khoán (tên SGDCK).

17. *Nhập lệnh tại Sở giao dịch chứng khoán* là việc nhập các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá trực tiếp tại trụ sở Sở giao dịch chứng khoán.

18. *Nhập lệnh tại Đại lý đấu giá* là việc nhập các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá trực tiếp tại trụ sở Đại lý đấu giá.

19. *Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa* là Đại lý đấu giá đáp ứng đủ các điều kiện và được Sở giao dịch chứng khoán lựa chọn để thực hiện việc nhập lệnh tại Đại lý đấu giá.

20. *Ngày kết thúc cuộc đấu giá* là ngày nhập xong các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư vào hệ thống và đã xác định được kết quả đấu giá.

21. *Ngày kết thúc việc bán cổ phần* là ngày cuối cùng nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chỉ đạo cổ phần hóa

1. Gửi Đơn đăng ký bán đấu giá và các tài liệu liên quan đến cổ phần hóa cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần theo mẫu và danh mục tài liệu quy định tại Phụ lục số 5 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC, đồng gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội để thực hiện đồng thời việc đăng ký bán đấu giá bán cổ phần với đăng ký mã cổ phần, đăng ký, lưu ký và đăng ký giao dịch số cổ phần trúng đấu giá;
2. Ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp cổ phần hóa ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu giá với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần;
3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần theo Quy chế này và các quy định hiện hành;
4. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến cổ phần hóa. Thực hiện công bố, cung cấp cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp cổ phần hóa trước khi bán cổ phần theo quy định. Trường hợp Ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền cho tổ chức tư vấn bán cổ phần soạn thảo bản thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của bản thông tin về doanh nghiệp cổ phần hóa;
5. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố công khai cho nhà đầu tư thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá theo các nội dung tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này;
6. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thuyết trình về doanh nghiệp cổ phần hóa cho các nhà đầu tư (nếu cần);
7. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;
8. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;
9. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá công bố kết quả đấu giá cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này;
10. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
11. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá bán cổ phần theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá cổ phần

1. Hội đồng bán đấu giá cổ phần hoạt động và đưa ra quyết định theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội đồng bán đấu giá cổ phần. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần thay mặt cho Hội đồng bán đấu giá cổ phần ký các văn bản thuộc thẩm quyền.
2. Tổ chức chỉ đạo và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá cổ phần theo quy định;
3. Quyết định thành phần của Tiểu ban đấu giá khi Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ

phần lựa chọn phương thức nhập lệnh tại Đại lý đấu giá;

4. Kiểm tra tính hợp lệ của các hòm phiếu và phiếu tham dự đấu giá;

5. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;

6. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp cổ phần hóa

1. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

2. Cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp (bao gồm cả phương án cổ phần hóa, dự thảo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần) cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trước khi bán cổ phần;

3. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá cổ phần trước khi tổ chức đấu giá theo các nội dung tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này;

4. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

5. Lưu trữ Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần và Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư sau khi hoàn thành đợt đấu giá;

6. Thực hiện công bố công khai trên cổng thông tin điện tử Chính phủ, đồng thời gửi về Bộ Tài chính, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp để theo dõi theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP bao gồm:

- Lộ trình và tiến độ triển khai cổ phần hóa;

- Các thông tin về doanh nghiệp (trong đó có phương án sử dụng đất đã được phê duyệt, các diện tích đất đang có tranh chấp cần tiếp tục giải quyết - nếu có);

- Các vấn đề về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa, phương pháp định giá và kết quả xác định giá trị doanh nghiệp;

- Phương án cổ phần hóa; tình hình và kết quả triển khai phương án cổ phần hóa;

- Tình hình quản lý và sử dụng đất đai;

- Phương án sắp xếp và mua cổ phần của người lao động;

- Dự thảo điều lệ của doanh nghiệp theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

1. Yêu cầu Ban chỉ đạo cổ phần hóa cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về cổ phần hóa theo quy định;

2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

3. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phần và Quy chế bán đấu giá cổ phần;

4. Lựa chọn phương thức nhập lệnh (nhập lệnh tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ

phần hoặc nhập lệnh tại Đại lý đấu giá);

5. Thông báo việc đăng ký làm đại lý đấu giá cho các công ty chứng khoán tối thiểu hai (02) ngày làm việc trước ngày thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc bán đấu giá theo quy định. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Đại lý đấu giá;

6. Thông báo với Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá;

7. Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này, Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cung cấp thì Tổ chức thực hiện bán đấu giá chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

8. Kiểm tra, giám sát việc công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này và các vấn đề khác liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần của các Đại lý đấu giá;

9. Tổng hợp, đối chiếu giữa kết quả đăng ký theo báo cáo của các Đại lý đấu giá với số lượng đăng ký trên hệ thống sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư Thông báo công khai tại địa điểm tổ chức đấu giá cổ phần về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá;

10. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả đấu giá chính thức;

11. Tổ chức đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định

12. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo khoản 4 Điều 16 Quy chế này;

13. Phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa công bố kết quả đấu giá cổ phần, hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này và thu tiền mua cổ phần theo quy định;

14. Gửi kết quả đấu giá cho các Đại lý đấu giá;

15. Chuyển tiền thu từ bán cổ phần và tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham gia đấu giá không hợp lệ (vi phạm Quy chế đấu giá) theo Điều 18, Điều 22 Quy chế này;

16. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc việc bán cổ phần;

17. Thông báo với Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội kết quả bán đấu giá cổ phần theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 6 Thông tư số 32/2021/TT-BTC;

18. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá bán cổ phần.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Đại lý đấu giá

1. Ký hợp đồng đại lý đấu giá với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần;

2. Phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 9 Quy chế này. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần cung cấp thì

đại lý đấu giá phải chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

3. Cung cấp thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá, mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần cho nhà đầu tư theo Điều 9 Quy chế này;

4. Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần, nhận tiền đặt cọc, kiểm tra điều kiện tham gia đấu giá, nhập các thông tin đăng ký mua của các nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá của Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và phát phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư đáp ứng điều kiện tham gia đấu giá theo Điều 10 Quy chế này. Trường hợp nhà đầu tư không đủ điều kiện tham dự đấu giá thì Đại lý đấu giá phải thông báo và hoàn trả tiền đặt cọc cho các nhà đầu tư (nếu nhà đầu tư đã đặt cọc);

5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin nhập vào hệ thống đấu giá theo hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư;

6. Tổng hợp và báo cáo Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần kết quả đăng ký của nhà đầu tư, chuyển tiền đặt cọc và danh sách nhà đầu tư đăng ký tham dự đấu giá (theo mẫu do Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần ban hành) trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký theo khoản 4 Điều 12 Quy chế này;

7. Giải thích những nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá khi nhà đầu tư thắc mắc trong thời gian nhận phiếu tham dự đấu giá;

8. Tiếp nhận Phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư cụ thể như sau:

a) Trường hợp nhập lệnh tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:

- Đại lý đấu giá có trách nhiệm chuyển hòm phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư đến Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần theo khoản 4 Điều 14 Quy chế này. Hòm đựng phiếu tham dự đấu giá phải được niêm phong trước sự chứng kiến của nhà đầu tư;

- Đại lý đấu giá chịu trách nhiệm trực tiếp với nhà đầu tư trong trường hợp Đại lý đấu giá không chuyển đủ phiếu tham dự đấu giá đến Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần theo thời gian quy định, làm thất lạc phiếu tham dự đấu giá hoặc trong những trường hợp khác do lỗi của Đại lý đấu giá.

b) Trường hợp nhập lệnh tại Đại lý đấu giá:

- Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa phải thành lập Tiểu ban đấu giá. Tiểu ban đấu giá có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của Phiếu tham dự đấu giá và giám sát việc nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá. Đối với những trường hợp phát sinh vướng mắc, Tiểu ban đấu giá phải xin ý kiến của Hội đồng đấu giá cổ phần để giải quyết kịp thời;

- Sau khi kết thúc việc nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá, Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa phải niêm phong hòm phiếu trước sự chứng kiến của nhà đầu tư và chuyển hòm phiếu về Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần. Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá được nhập vào hệ thống đấu giá;

- Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa chịu trách nhiệm trực tiếp với nhà đầu tư trong trường hợp Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa không nhập, không nhập đầy đủ, chính xác các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá vào hệ thống đấu giá hoặc trong những trường hợp khác do lỗi

của Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa.

9. Thông báo và gửi kết quả đấu giá cho các nhà đầu tư;
10. Hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần theo quy định;
11. Nhận tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư trúng đấu giá theo thời gian quy định;
12. Chuyển tiền thanh toán mua cổ phần và danh sách nhà đầu tư trúng đấu giá nộp tiền thanh toán mua cổ phần cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần;
13. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần của nhà đầu tư;
14. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về doanh nghiệp cổ phần hóa và cuộc đấu giá theo quy định;
2. Gửi Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần cho Đại lý đấu giá theo Phụ lục số 7a hoặc Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC và nhận Phiếu tham dự đấu giá theo mẫu tại Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này;
3. Nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm;
4. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;
5. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định
6. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng đấu giá;
7. Tuân thủ các nội dung tại Quy chế đấu giá này;
8. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BTC và các quy định của pháp luật có liên quan khi tham gia đấu giá mua cổ phần.

Điều 9. Công bố thông tin

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa và Đại lý đấu giá thông báo về việc bán đấu giá theo Phụ lục số 3 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC (bao gồm cả bản Tiếng Anh) trước ngày tổ chức đấu giá tối thiểu một (01) tháng. Việc thông báo được thực hiện trên các phương tiện sau đây:
 - a) Ba (03) số liên tiếp của các báo: ... (nêu tên các báo công bố);
 - b) Website của doanh nghiệp cổ phần hóa, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đại lý đấu giá, Tổ chức tư vấn (nếu có): ... (nêu địa chỉ website);
 - c) Cổng thông tin điện tử Chính phủ: ... (nêu địa chỉ website);
2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa, Đại lý đấu giá công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ

phần hóa và đợt đấu giá chậm nhất một (01) tháng trước ngày thực hiện đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa theo Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC. Trường hợp bán đấu giá qua Sở giao dịch chứng khoán, bản thông tin liên quan đến doanh nghiệp bao gồm cả bản Tiếng Anh;

- Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa;

- Dự thảo điều lệ của công ty cổ phần;

- Mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo Phụ lục số 7a, Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC (bao gồm cả bản Tiếng Anh);

- Quy chế bán đấu giá cổ phần của doanh nghiệp;

- Các thông tin liên quan khác đến cuộc đấu giá theo quy định.

b) Địa điểm công bố thông tin

- Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: *(tên tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần)*

+ Địa chỉ: ... *(nêu địa chỉ)*:

+ Website: ... *(tên website)*.

- Cơ quan đại diện Chủ sở hữu: ... *(tên cơ quan đại diện chủ sở hữu)*

+ Địa chỉ: ... *(nêu địa chỉ)*:

+ Website: ... *(tên website)*.

- Doanh nghiệp cổ phần hóa:

+ Địa chỉ: ... *(nêu địa chỉ)*:

+ Website: ... *(tên website)*.

- Các Đại lý đấu giá nhận đăng ký nêu tại khoản 4 Điều 12 Quy chế này:

+ Địa chỉ: ... *(nêu địa chỉ)*:

+ Website: ... *(tên website)*.

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ:

+ Địa chỉ: ... *(nêu địa chỉ)*:

+ Website: ... *(tên website)*.

- Địa chỉ và tên các website công bố thông tin khác (nếu có): ...

Điều 10. Đối tượng tham gia đấu giá

1. Đối tượng tham gia đấu giá cổ phần bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với nhà đầu tư trong nước:

- Đối với nhà đầu tư cá nhân: Là công dân Việt Nam, có địa chỉ liên hệ, Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành

vi dân sự;

- Đối với nhà đầu tư tổ chức: Là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ.

b) Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với tổ chức và cá nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

- Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

- Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký);

- Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

c) Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

2. Những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, bao gồm các đối tượng sau:

a) Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Tổ giúp việc cổ phần hóa doanh nghiệp (trừ các thành Viên là đại diện doanh nghiệp);

b) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

c) Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

d) Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;

đ) Người có liên quan theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2020 của tổ chức và cá nhân quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này.

Điều 11. Các thông tin cơ bản về phương án bán cổ phần

Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần xác định:

1. Số lượng cổ phần chào bán;
2. Loại cổ phần chào bán: ...;
3. Mệnh giá;

4. Giá khởi điểm: ...;
5. Bước giá: ...;
6. Bước khối lượng: ...;
7. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: 100 cổ phần;
8. Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa: ... (theo quy định của pháp luật hiện hành);
9. Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua: ...;
10. Số mức giá: ...

Điều 12. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc

1. Nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần:

Nhà đầu tư nhận hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần tại các địa điểm và địa chỉ website nêu tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Nộp tiền đặt cọc:

a) Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Đại lý đấu giá trước ... giờ ... phút ... ngày ... tháng ... năm ... (tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày thực hiện đấu giá);

Tỷ giá để tính giá trị đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổ chức thực hiện bán đấu giá mở tài khoản ngoại tệ và tại ngày nhà đầu tư đặt cọc, ký quỹ;

- b) Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.

3. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá:

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký và xuất trình kèm theo các giấy tờ sau:

- a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước:

- Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu tại Mẫu số 02 kèm theo Quy chế này, được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan công chứng, chứng thực có thẩm quyền, kèm theo xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền.

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

- b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ khác tương đương;

- Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục kèm theo bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nhận ủy quyền, trừ trường hợp người làm thủ tục là người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

c) Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước phải xuất trình:

- Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối;

- Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và đặt cọc

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký và đặt cọc: Từ...giờ...phút ngày...tháng....năm.... đếngiờ ... phút ngày...tháng....năm.... (tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá);

b) Địa điểm làm thủ tục đăng ký, đặt cọc: Đại lý đấu giá (theo danh sách đính kèm) (nội dung bao gồm tên, địa chỉ, số tài khoản nhận tiền đặt cọc);

c) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá.

5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc hủy đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp hủy đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá gửi Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua theo Mẫu số 03 kèm theo Quy chế này.

Điều 13. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Đại lý đấu giá cấp, có đóng dấu treo của nơi cấp phiếu và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xóa hoặc rách nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá theo quy định; nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ được xác định là có giá trị; tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại lý đấu giá: Chậm nhất... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ...;

- Gửi bằng phương thức bảo đảm đến Đại lý đấu giá: Chậm nhất... giờ ... phút ngày .. tháng ... năm ...;

- Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Đại lý đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Mẫu số 04 kèm theo Quy chế này để đề nghị Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua đổi phiếu mới sau khi đã nộp phiếu cũ.

3. Trường hợp mất Phiếu tham dự đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Mẫu số 04 kèm theo Quy chế này để đề nghị Đại lý đấu giá nơi nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 14. Địa điểm và thời gian tổ chức cuộc đấu giá

1. Địa điểm tổ chức đấu giá: ... (địa chỉ: ...);
2. Thời gian tổ chức đấu giá: ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ...;
3. Đại lý đấu giá có trách nhiệm kết thúc nhận Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư trước ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ...;
4. Trường hợp nhập lệnh tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: Đại lý đấu giá chuyển hòm phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư về Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trước thời gian tổ chức đấu giá ít nhất 01 giờ. Trường hợp tổ chức đấu giá tại hai Sở giao dịch chứng khoán thì phải nêu rõ danh sách đại lý đấu giá chuyển hòm phiếu tới từng Sở giao dịch chứng khoán cụ thể.
5. Trường hợp nhập lệnh tại Đại lý đấu giá: Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa không phải chuyển hòm phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư về Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trước thời gian tổ chức đấu giá. Đến thời gian tổ chức đấu giá, Đại lý đấu giá nhập các thông tin trên phiếu tham dự đấu giá hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá.

Điều 15. Xem xét các điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần kiểm tra và xác định rõ:
 - a) Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;
 - b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá.
2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất hai (02) nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 16. Thực hiện đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu tham dự đấu giá, đại diện Hội đồng bán đấu giá công bố những thông tin chủ yếu như:
 - a) Tên doanh nghiệp cổ phần hóa, vốn điều lệ dự kiến, tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần bán đấu giá công khai, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;
 - b) Số lượng đại lý đấu giá tham gia và số hòm phiếu nhận được;
 - c) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền mua cổ phần theo giá đấu giá;
 - d) Giải thích về những vấn đề mà nhà đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.
2. Nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá:
 - a) Trường hợp nhập lệnh tại Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần: đến thời điểm đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá cổ phần hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần;
 - b) Trường hợp nhập lệnh tại Đại lý đấu giá: đến thời điểm đấu giá, Đại lý đấu giá nhập lệnh từ xa nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá cổ phần hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần; Tiểu ban đấu giá xin ý kiến của Hội đồng đấu giá cổ phần đối với

những trường hợp phiếu tham dự đấu giá cổ phần không hợp lệ.

3. Xác định kết quả đấu giá:

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Thông tư số 32/2021/TT-BTC, trong đó:

a) Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm. Giá bán là giá đấu thành công của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư trúng ở mức giá nào thì mua cổ phần ở mức giá đó.

b) Tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, trường hợp các nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng tổng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng thầu thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số cổ phần nhà} \\ \text{đầu tư được mua} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số cổ phần} \\ \text{còn lại chào} \\ \text{bán} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua} \\ \text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng ký} \\ \text{mua} \end{array}$$

c) Trường hợp phát sinh cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

d) Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

Kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục số 6 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC. Các thành viên trong Hội đồng bán đấu giá xem xét và đồng ý ký Biên bản xác định kết quả đấu giá.

Điều 17. Thông báo kết quả đấu giá

1. Trong thời gian tối đa ba (03) ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản xác định kết quả đấu giá, Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần phối hợp công bố kết quả đấu giá cổ phần trên các website của doanh nghiệp cổ phần hóa, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đại lý đấu giá, Tổ chức tư vấn bán cổ phần (nếu có).

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư cho các Đại lý đấu giá trong vòng một (01) ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

3. Nhà đầu tư nhận kết quả trực tiếp tại Đại lý đấu giá trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư đăng ký nhận kết quả qua đường bưu điện (gửi bảo đảm), Đại lý đấu giá có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư theo đường bưu điện (theo thông tin nhà đầu tư đã đăng ký) ngay trong ngày làm việc tiếp theo (ngày làm việc thứ 05 kể từ ngày công bố kết quả đấu giá).

Điều 18. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng đấu giá mua cổ phần có trách

nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá cổ phần.

2. Tiền đặt cọc bằng đồng Việt Nam được trừ vào tổng số tiền phải thanh toán mua cổ phần. Trường hợp số tiền đặt cọc lớn hơn số tiền phải thanh toán, nhà đầu tư được hoàn trả lại phần chênh lệch trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn các nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần.

Tiền đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ không được trừ vào tổng số tiền các nhà đầu tư nước ngoài phải thanh toán. Tổ chức thực hiện bán đấu giá hoặc tổ chức tín dụng (trường hợp ký quỹ) hoàn trả cho nhà đầu tư nước ngoài sau khi nhà đầu tư nước ngoài hoàn tất việc nộp tiền mua số cổ phần trúng đấu giá bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của Tổ chức thực hiện bán đấu giá theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;

3. Thanh toán tiền mua cổ phần:

a) Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp vào tài khoản của Đại lý đấu giá.

b) Đại lý đấu giá có trách nhiệm gửi báo cáo và danh sách nộp tiền mua cổ phần của nhà đầu tư đồng thời chuyển tiền mua cổ phần của nhà đầu tư về Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần sau hai (02) ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn thanh toán mua cổ phần.

c) Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm tổng hợp và chuyển toàn bộ tiền thu từ bán cổ phần (bao gồm cả tiền đặt cọc không phải trả nhà đầu tư) về tài khoản của doanh nghiệp cổ phần hóa và Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

d) Trường hợp Đại lý đấu giá chậm chuyển tiền thu từ bán cổ phần theo quy định thì phải trả lãi cho bên bị chậm trả theo ngày trên số tiền chậm chuyển theo mức lãi suất tại Ngân hàng nơi Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần mở tài khoản áp dụng trong trường hợp các bên liên quan không có thỏa thuận khác.

đ) Trường hợp Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chậm chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cổ phần theo quy định thì phải trả lãi theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Điều 19. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc:

a) Không nộp Phiếu tham dự đấu giá;

b) Phiếu tham dự đấu giá không hợp lệ theo khoản 1 Điều 13 của Quy chế này;

c) Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;

d) Đăng ký nhưng không đặt mua (toàn bộ hoặc một phần), nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần không đặt mua;

đ) Trả giá thấp hơn giá khởi điểm;

e) Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả

đấu giá, nhà đầu tư sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần, số cổ phần trúng đấu giá của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá cổ phần xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm xem xét, xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 20. Xử lý số cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá công khai

1. Trường hợp không bán hết số cổ phần chào bán của cuộc đấu giá công khai:

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần, căn cứ số lượng cổ phần không bán hết, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa để xử lý theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và khoản 4 Điều 8 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

2. Trường hợp cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công:

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa về cuộc đấu giá không thành công để xử lý theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

Điều 21. Xử lý tiền đặt cọc

1. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần cho các Đại lý đấu giá trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

2. Đại lý đấu giá có trách nhiệm chuyển tiền đặt cọc cho nhà đầu tư có tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

3. Nhà đầu tư nước ngoài đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ được hoàn trả bằng ngoại tệ;

4. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Quy chế này. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Đại lý đấu giá trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn từ chối mua cổ phần.

5. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn trả do nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo khoản 1 Điều 19 Quy chế này, Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

Điều 22. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư (nếu có) về trình tự, thủ tục đấu giá phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Hội đồng bán đấu giá cổ phần không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần, Đại lý đấu giá không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa cung cấp.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

...

Người có thẩm quyền ban hành quy chế

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 01 – Phiếu tham dự đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm 20____

Mẫu số: (Do Hội đồng đấu giá cấp)

PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Số ĐKKD/CMND/CCCD/Hộ chiếu ... Ngày cấp ... Nơi cấp ...

Địa chỉ:

Điện thoại:

/Fax:

Số tài khoản:

Mở tại

Số cổ phần đăng ký mua:

Giá khởi điểm:

Ngày tổ chức đấu giá:

Số tiền đặt cọc đã nộp: (Bằng chữ:.....)

Ngày thanh toán:

Ngày trả tiền đặt cọc:

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ và Quy chế bán đấu giá cổ phần của....., tôi/chúng tôi đồng ý đấu giá mua cổ phần đã đăng ký với mức giá như sau:

STT lệnh	Mức giá đặt mua		Khối lượng cổ phần đặt mua
	Bằng số	Bằng chữ	
1			
2...			
Tổng số:			

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA
ĐẤU GIÁ

(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Mẫu số 02 - Giấy ủy quyền

GIẤY ỦY QUYỀN

Tên tổ chức hoặc cá nhân:

Đĩa chi:

Fax:

ỦY QUYỀN CHO:

Ông: (Bà):

Đĩa chi:

Fax:

Ông (Bà) ... có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về đấu giá của Công ty..., không được ủy quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả đấu giá cho người ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(ký, họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, họ tên và đóng dấu (nếu có))

**XÁC NHẬN CỦA UBND PHƯỜNG, XÃ HOẶC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ
THẨM QUYỀN**

(trường hợp người ủy quyền là cá nhân)

Mẫu số 03 – Đơn đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm 20____

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỦY ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Đại lý đấu giá Công ty chứng khoán

Tên _____ tổ _____ chức _____ hoặc cá _____ nhân:

Số ĐKKD/CMND/CCCD/Hộ chiếu _____ Ngày cấp _____ Nơi cấp _____

Mã _____ số _____ nhà _____ đầu _____ tư:

Địa _____ chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Tôi đã thực hiện đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Công ty ... tại ...Nay chúng tôi/tôi đề nghị hủy đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của Công ty ... với lý do: ...

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA ĐẤU GIÁ

(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Mẫu số 04 – Đơn đề nghị cấp lại phiếu tham dự đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày _____ tháng _____ năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Đại lý đấu giá Công ty chứng khoán...

Tên _____ tổ _____ chức/cá _____ nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/số ĐKKD: _____ Ngày cấp _____ Nơi _____ cấp

Mã _____ số _____ nhà _____ đầu _____ tư

Địa _____ chỉ _____ liên _____ lạc:

Điện _____ thoại:

Số tài khoản: _____ Mở tại _____

Ngày... chúng tôi/tôi đã nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá cổ phần Công ty

Với số lượng: _____ (Viết bằng chữ: _____)

Và đã đặt cọc số tiền: _____ (Viết bằng chữ _____) tương
đương 10% giá trị đăng ký theo giá khởi điểm.

Tại _____

Nay chúng tôi/tôi đề nghị được cấp lại Phiếu tham dự đấu giá, lý do:

☐ Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa,...(đính kèm theo đơn này)

☐ Mất phiếu tham dự đã cấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến Phiếu tham dự đấu giá của chúng
tôi/tôi thì chúng tôi/tôi sẽ có trách nhiệm chứng minh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước
pháp luật. Chúng tôi/tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật.

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THAM GIA ĐẤU
GIÁ**

(Ký, đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Xác nhận đã nhận đơn đề nghị của nhà đầu tư:

NHÂN VIÊN GIAO DỊCH

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục số 9

QUY CHẾ MẪU

VỀ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN GIỮA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đấu giá cổ phần của ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) giữa các nhà đầu tư chiến lược được thực hiện qua ... (tên Sở Giao dịch chứng khoán) sau khi bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp cổ phần hóa* là ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa).
2. *Nhà đầu tư chiến lược* là tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 140/2020/NĐ-CP);
3. *Bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược* là việc bán cổ phần của ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) cho các nhà đầu tư chiến lược có sự cạnh tranh về giá.
4. *Cơ quan quyết định cổ phần hóa* là ... (tên cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa).
5. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là ... (tên cơ quan đại diện chủ sở hữu).
6. *Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần* là ... (tên Sở Giao dịch chứng khoán).
7. *Tổ chức tư vấn bán cổ phần* là ... (tên tổ chức tư vấn bán cổ phần).
8. *Hội đồng bán đấu giá cổ phần* là tổ chức thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá cổ phần bao gồm: đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, đại diện doanh nghiệp cổ phần hóa, đại diện Tổ chức thực hiện bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần là Trưởng Ban chỉ đạo cổ phần hóa hoặc thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa do Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền bằng văn bản.
9. *Mệnh giá cổ phần* là 10.000 đồng.

10. *Giá khởi điểm bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược* là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định nhưng không thấp hơn mệnh giá (10.000 đồng Việt Nam).

11. *Bước giá* là khoảng cách giá giữa các lần đặt mua liên tiếp kể từ giá khởi điểm.

12. *Bước khối lượng* là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp.

13. *Giá đấu* là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá.

14. *Ngày kết thúc cuộc đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược* là ngày nhập xong các thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư chiến lược vào hệ thống và xác định được kết quả đấu giá.

15. *Ngày kết thúc việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược* là ngày cuối cùng nhà đầu tư chiến lược thanh toán tiền mua cổ phần.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban chỉ đạo cổ phần hóa

1. Gửi Đơn đăng ký tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược cho Sở giao dịch chứng khoán kèm theo Quyết định phê duyệt danh sách các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần và các tài liệu liên quan đến việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược;

2. Ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho doanh nghiệp cổ phần hóa ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu giá với Sở giao dịch chứng khoán;

3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần theo Quy chế này và các quy định hiện hành;

4. Kiểm tra, hoàn tất các thông tin liên quan đến cổ phần hóa và việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược. Trường hợp Ban chỉ đạo cổ phần hóa ủy quyền cho tổ chức tư vấn bán cổ phần soạn thảo các tài liệu công bố thông tin thì tổ chức tư vấn phải chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và đầy đủ của tài liệu công bố thông tin;

5. Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán công bố thông tin theo Điều 8 Quy chế này;

6. Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán thuyết trình về doanh nghiệp cổ phần hóa cho các nhà đầu tư (nếu cần);

7. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

8. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo khoản 4 Điều 15 Quy chế này;

9. Phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán công bố kết quả đấu giá ngay sau khi ký

Biên bản xác định kết quả đấu giá;

10. Chỉ đạo doanh nghiệp cổ phần hóa hoàn trả tiền đặt cọc hoặc thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này;

11. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá cổ phần

1. Hội đồng bán đấu giá hoạt động và đưa ra quyết định theo nguyên tắc đa số. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch hội đồng bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần thay mặt cho Hội đồng bán đấu giá cổ phần ký các văn bản thuộc thẩm quyền.

2. Tổ chức chỉ đạo và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá cổ phần theo quy định;

3. Kiểm tra tính hợp lệ của hòm phiếu và phiếu tham dự đấu giá;

4. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;

5. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược khoản 4 Điều 15 Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của doanh nghiệp cổ phần hóa

1. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

2. Cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác về doanh nghiệp và các nội dung liên quan đến việc chào bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa trước khi bán cổ phần;

3. Nhận tiền đặt cọc, thư xác nhận của tổ chức tín dụng về việc nhà đầu tư ký quỹ hoặc có bảo lãnh để đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 32/2021/TT-BTC;

4. Thực hiện công bố thông tin theo Điều 8 Quy chế này;

5. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo khoản 4 Điều 15 Quy chế này;

6. Lưu trữ Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và Phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư chiến lược sau khi hoàn thành đợt đấu giá;

7. Hoàn trả tiền đặt cọc, thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần theo quy định;

8. Nhận tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược trúng đấu giá theo Điều 17 Quy chế này. Tổng hợp và báo cáo kết quả thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa theo quy định;

9. Chuyển tiền thu từ việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại khoản 7 Điều 9 Thông tư số

32/2021/TT-BTC;

10. Báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, hoàn tất ký hợp đồng cam kết chính thức với các nhà đầu tư chiến lược trúng đấu giá trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu giá;

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở giao dịch chứng khoán

1. Yêu cầu Ban chỉ đạo cổ phần hóa cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về cổ phần hóa và việc bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược theo quy định;

2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

3. Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phần và Quy chế bán đấu giá cổ phần;

4. Thông báo với Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa về thời gian, địa điểm tổ chức bán đấu giá;

5. Thực hiện thông báo và công bố thông tin theo Điều 8 Quy chế này. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cung cấp thì Sở giao dịch chứng khoán chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định pháp luật;

6. Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo danh sách nhà đầu tư chiến lược được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, kiểm tra thủ tục đăng ký tham gia đấu giá, nhập các thông tin đăng ký mua của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư không đáp ứng thủ tục đăng ký tham gia đấu giá, Sở giao dịch chứng khoán phải thông báo cho nhà đầu tư và doanh nghiệp cổ phần hóa;

7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ của thông tin nhập vào hệ thống đấu giá theo hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư;

8. Tiếp nhận phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư;

9. Giải thích những nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá khi nhà đầu tư thắc mắc trong thời gian nhận phiếu tham dự đấu giá;

10. Thông báo công khai tại trụ sở và công bố thông tin trên website của Sở giao dịch chứng khoán về tổng số nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá và tổng số cổ phần đăng ký mua chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày tổ chức đấu giá;

11. Tổ chức thực hiện việc đấu giá và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;

12. Đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược theo khoản 4 Điều 15 Quy chế này;

13. Phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa công bố kết quả đấu giá cổ phần ngay sau khi ký Biên bản xác định kết quả đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược;

14. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

15. Thông báo và gửi kết quả đấu giá cho nhà đầu tư chiến lược theo Điều 16 Quy chế

này;

16. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho doanh nghiệp cổ phần hóa trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược;

17. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến đấu giá bán cổ phần.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về doanh nghiệp cổ phần hóa và việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược theo quy định;

2. Gửi Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần cho Sở giao dịch chứng khoán theo mẫu tại Phụ lục số 7a hoặc Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC và nhận Phiếu tham dự đấu giá theo Mẫu số 01 kèm theo Quy chế này;

3. Thực hiện một trong các hình thức nộp tiền đặt cọc, ký quỹ hoặc có bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định pháp luật với giá trị bằng 20% giá trị cổ phần đăng ký mua theo giá khởi điểm trong phương án cổ phần hóa đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược để đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 32/2021/TT-BTC;

4. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;

5. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc từ doanh nghiệp cổ phần hóa hoặc đề nghị doanh nghiệp thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh trong trường hợp nhà đầu tư ký quỹ hoặc có bảo lãnh của tổ chức tín dụng theo quy định;

6. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng đấu giá;

7. Tuân thủ các nội dung tại Quy chế đấu giá này.

8. Nhà đầu tư nước ngoài thực hiện quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BTC và các quy định của pháp luật có liên quan khi tham gia đấu giá mua cổ phần.

Điều 8. Công bố thông tin về việc bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với doanh nghiệp cổ phần hóa thông báo tới các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần về kế hoạch tổ chức bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược trước khi tổ chức đấu giá tối thiểu một (1) tháng.

2. Sở giao dịch chứng khoán phối hợp với Ban chỉ đạo cổ phần hóa, doanh nghiệp cổ phần hóa công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa và việc bán đấu giá giữa các nhà đầu tư chiến lược chậm nhất một (1) tháng trước ngày tổ chức đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin bao gồm:

- Thông tin liên quan đến doanh nghiệp cổ phần hóa theo Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC, bao gồm cả bản tiếng Anh;

- Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa;

- Dự thảo điều lệ của công ty cổ phần;

- Mẫu Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần theo Phụ lục số 7a, Phụ lục số 7b kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC, bao gồm cả bản tiếng Anh

- Quy chế bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược;

- Các thông tin liên quan khác đến cuộc đấu giá theo quy định.

b) Địa điểm công bố thông tin:

- Sở giao dịch chứng khoán: ... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

+ Địa chỉ: ... (nêu địa chỉ);

+ Website: ... (tên website).

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu: ... (tên cơ quan đại diện chủ sở hữu)

+ Địa chỉ: ... (nêu địa chỉ);

+ Website: ... (tên website).

- Doanh nghiệp cổ phần hóa: ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa)

+ Địa chỉ: ... (nêu địa chỉ);

+ Website: ... (tên website).

- Cổng thông tin điện tử Chính phủ:

+ Địa chỉ: ... (nêu địa chỉ);

+ Website: ... (tên website).

- Địa chỉ và tên các website công bố thông tin khác (nếu có):

Điều 9. Đối tượng tham gia đấu giá

1. Đối tượng tham gia đấu giá cổ phần bao gồm các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có tên trong danh sách các nhà đầu tư chiến lược đủ điều kiện tham gia mua cổ phần đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt;

b) Đối với nhà đầu tư trong nước: là các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam; có tư cách pháp nhân; có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ cụ thể, rõ ràng. Nếu người đại diện tham gia đấu giá không phải là người đại diện theo pháp luật thì phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Quy chế này;

c) Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với pháp nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

- Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại các ngân hàng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

- Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc công ty chứng khoán

nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký);

- Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

2. Những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, bao gồm:

a) Thành viên Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp, Tổ giúp việc cổ phần hóa doanh nghiệp (trừ các thành viên là đại diện doanh nghiệp);

b) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn cổ phần hóa, kiểm toán báo cáo tài chính và cơ quan kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh);

c) Các công ty con, công ty liên kết trong cùng Tập đoàn, Tổng công ty và tổ hợp công ty mẹ - công ty con;

d) Sở giao dịch chứng khoán và các cá nhân thuộc tổ chức này có liên quan đến cuộc đấu giá;

đ) Người có liên quan theo quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp năm 2020 của tổ chức và cá nhân quy định tại điểm a, điểm b và điểm d khoản này.

Điều 10. Các thông tin cơ bản về phương án bán cổ phần

Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán xác định:

1. Số lượng cổ phần đấu giá: ... cổ phần;
2. Mệnh giá: 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phần;
3. Giá khởi điểm:... đồng/cổ phần;
4. Bước giá:... đồng;
5. Bước khối lượng: ...;
6. Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được phép mua:...;
7. Số mức giá:

Điều 11. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá

1. Nhận Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần: Nhà đầu tư nhận hoặc in mẫu đơn đăng ký tham gia mua cổ phần tại các địa điểm và địa chỉ website nêu tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

2. Nộp Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần:

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký và xuất trình kèm theo các giấy tờ sau:

a) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước:

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;

- Giấy ủy quyền cho người đại diện thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục kèm theo bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân Hộ chiếu của người nhận ủy quyền, trừ trường hợp người làm thủ tục là đại diện theo pháp luật của tổ chức.

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với tổ chức trong nước phải xuất trình:

- Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về ngoại hối;

- Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Nộp tiền đặt cọc, ký quỹ

a) Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc bằng 20% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm của cuộc đấu giá công khai trong phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt vào tài khoản tiền thu từ cổ phần của doanh nghiệp hoặc hoàn thành việc ký quỹ, có bảo lãnh của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước ...giờ...phút ngày...tháng...năm...(tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hết hạn đăng ký mua cổ phần của nhà đầu tư chiến lược);

Tỷ giá để tính giá trị đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp cổ phần hóa mở tài khoản ngoại tệ và tại ngày nhà đầu tư đặt cọc, ký quỹ;

b) Tiền đặt cọc không được hưởng lãi.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký

a) Thời gian làm thủ tục đăng ký: Từ ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ... đến ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ...;

b) Địa điểm làm thủ tục đăng ký: ... (nội dung bao gồm tên, địa chỉ của Sở giao dịch chứng khoán);

c) Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá.

4. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi thông tin đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp sửa đổi thông tin, nhà đầu tư phải làm Đơn đề nghị theo Mẫu số 03 Quy chế này gửi Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 12. Lập và nộp Phiếu tham dự đấu giá

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do Sở giao dịch chứng khoán cấp, có đóng dấu treo của Sở giao dịch chứng khoán và đảm bảo điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xóa hoặc rách, nát; giá đặt mua không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá theo quy định; nếu có sự khác nhau giữa số tiền đặt mua bằng số và số tiền đặt mua bằng chữ thì số tiền đặt mua bằng chữ được xác định là có giá trị; tổng số cổ phần đặt mua phải bằng khối lượng đã đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán: Chậm nhất... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ...;

- Gửi bằng phương thức bảo đảm đến Sở giao dịch chứng khoán: Chậm nhất... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm ...;

- Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Sở giao dịch chứng khoán ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa hoặc nhà đầu tư mất Phiếu tham dự đấu giá: Nhà đầu tư phải làm Đơn đề nghị cấp lại Phiếu tham dự đấu giá theo Mẫu số 04 Quy chế này để đề nghị Sở giao dịch chứng khoán cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 13. Địa điểm và thời gian tổ chức đấu giá

1. Địa điểm tổ chức đấu giá: ... (tên Sở Giao dịch chứng khoán), địa chỉ:

2. Thời gian tổ chức đấu giá: ... giờ ... phút ngày ... tháng ... năm

Điều 14. Xem xét điều kiện tổ chức đấu giá

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Sở giao dịch chứng khoán kiểm tra và xác định rõ:

a) Danh sách nhà đầu tư nộp phiếu tham dự đấu giá;

b) Số lượng phiếu tham dự đấu giá.

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất hai (02) nhà đầu tư đủ điều kiện tham gia đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 15. Thực hiện đấu giá

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm Phiếu tham dự đấu giá, đại diện Hội đồng bán đấu giá công bố những thông tin chủ yếu như:

a) Tên doanh nghiệp cổ phần hóa, vốn điều lệ dự kiến, kết quả bán đấu giá cổ phần công khai, số lượng cổ phần bán đấu giá giữa nhà đầu tư chiến lược, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;

b) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định quyền mua cổ phần theo giá đấu;

c) Giải thích về những vấn đề mà nhà đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá: Đến thời điểm đấu giá, Sở giao dịch chứng khoán nhập thông tin trên Phiếu tham dự đấu giá cổ phần hợp lệ của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần.

3. Xác định kết quả đấu giá

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Thông tư số 32/2021/TT-BTC như sau:

a) Xác định theo giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đủ số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm. Giá bán là giá đấu thành công của từng nhà đầu tư. Nhà

đầu tư trúng ở mức giá nào thì mua cổ phần ở mức giá đó.

b) Tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, trường hợp các nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định như sau:

$$\text{Số cổ Phần nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số cổ phần còn lại chào bán} \times \text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng ký mua}}$$

Trường hợp phát sinh số cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

c) Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

Kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá theo mẫu tại Phụ lục số 4 kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC. Các thành viên Hội đồng bán đấu giá xem xét và đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá.

Điều 16. Thông báo kết quả đấu giá

1. Ban chỉ đạo cổ phần hóa phối hợp với Sở giao dịch chứng khoán công bố kết quả đấu giá ngay sau khi ký Biên bản xác định kết quả đấu giá và thông báo trên các website của doanh nghiệp cổ phần hóa, Sở giao dịch chứng khoán, Tổ chức tư vấn bán cổ phần (nếu có).

2. Nhà đầu tư nhận kết quả trực tiếp tại Sở giao dịch chứng khoán trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư đăng ký nhận kết quả qua đường bưu điện (gửi bảo đảm), Sở giao dịch chứng khoán có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư theo đường bưu điện (theo thông tin nhà đầu tư đã đăng ký) trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

Điều 17. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá, nhà đầu tư trúng đấu giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày công bố kết quả đấu giá cổ phần.

2. Tiền đặt cọc bằng đồng Việt Nam được trừ vào tổng số tiền phải thanh toán mua cổ phần. Trường hợp số tiền đặt cọc lớn hơn số tiền phải thanh toán, nhà đầu tư được hoàn trả lại phần chênh lệch trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn các nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần.

Tiền đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ không được trừ vào tổng số tiền các nhà đầu tư nước ngoài phải thanh toán. Tổ chức thực hiện bán đấu giá/doanh nghiệp cổ phần hóa (trường hợp đặt cọc) hoặc tổ chức tín dụng (trường hợp ký quỹ) sẽ hoàn trả cho nhà đầu tư nước ngoài sau khi nhà đầu tư nước ngoài hoàn tất việc nộp tiền mua số cổ phần trúng đấu giá bằng đồng Việt Nam vào tài khoản của tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp cổ phần hóa theo

quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần:

Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức nộp vào tài khoản tiền thu từ cổ phần hóa của doanh nghiệp theo thông tin như sau:

- Tên tài khoản:.....;
- Số tài khoản: ;
- Tại Ngân hàng: ;
- Nội dung nộp tiền/chuyển tiền:

4. Doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển tiền thu từ việc bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định.

Điều 18. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được hoàn trả tiền đặt cọc hoặc doanh nghiệp yêu cầu tổ chức tín dụng nhận ký quỹ, nhận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần tương ứng:

- a) Không nộp Phiếu tham dự đấu giá;
- b) Phiếu tham dự đấu giá không hợp lệ theo khoản 1 Điều 12 Quy chế này;
- c) Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- d) Đăng ký nhưng không đặt mua;
- đ) Trả giá thấp hơn so với giá khởi điểm;

e) Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá, nhà đầu tư sẽ không được hoàn trả tiền đặt cọc hoặc doanh nghiệp yêu cầu tổ chức tín dụng nhận ký quỹ, nhận bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần, số cổ phần trúng đấu giá của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá cổ phần xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm xem xét xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 19. Xử lý số cổ phần không bán hết trong cuộc đấu giá

1. Trường hợp không bán hết số cổ phần chào bán của cuộc đấu giá

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định số cổ phần không bán hết, Sở giao dịch chứng khoán phối hợp với doanh nghiệp cổ phần hóa thông báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

2. Trường hợp cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày xác định cuộc đấu giá bán cổ phần không thành công, Sở giao dịch chứng khoán phối hợp với doanh nghiệp cổ phần hóa thông

báo cho Ban chỉ đạo cổ phần hóa để báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

Điều 20. Xử lý tiền đặt cọc và các khoản ký quỹ, bảo lãnh để đảm bảo thực hiện quyền mua cổ phần

1. Doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc hoặc thực hiện các thủ tục để giải tỏa ký quỹ, bảo lãnh cho nhà đầu tư cho nhà đầu tư có tham gia đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

2. Nhà đầu tư nước ngoài đặt cọc, ký quỹ bằng ngoại tệ được hoàn trả bằng ngoại tệ;

3. Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá thì khoản tiền đặt cọc được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Quy chế này. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Sở Giao dịch chứng khoán và doanh nghiệp cổ phần hóa trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn từ chối mua cổ phần.

4. Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn trả do nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo khoản 1 Điều 18 Quy chế này, doanh nghiệp cổ phần hóa chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 32/2021/TT-BTC.

Điều 21. Các quy định khác

1. Mọi thắc mắc của nhà đầu tư về trình tự, thủ tục bán đấu giá cổ phần (nếu có) phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Hội đồng đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Sở giao dịch chứng khoán không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do Ban chỉ đạo cổ phần hóa và doanh nghiệp cổ phần hóa cung cấp.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

....

....

Người có thẩm quyền ban hành quy chế

(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 01 – Phiếu tham dự đấu giá
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm ...

Mã số:... (Do Hội đồng bán đấu giá cổ phần cấp)

PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán ... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

Tên tổ chức:

Số ĐKKD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Số tài khoản:

Mở tại:

Số cổ phần đăng ký mua:

Giá khởi điểm:

Ngày tổ chức đấu giá:

Số tiền đặt cọc đã nộp: (Bằng chữ:) hoặc thông tin liên quan đến việc ký quỹ, có bảo lãnh của tổ chức tín dụng: (giá trị khoản ký quỹ, bảo lãnh; thời hạn hiệu lực)

Ngày

đặt

cọc/ký

quỹ/bảo

lãnh:

Sau khi nghiên cứu kỹ hồ sơ và Quy chế bán đấu giá cổ phần giữa các nhà đầu tư chiến lược của ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa), ... (tên tổ chức tham gia đấu giá) đồng ý đấu giá mua cổ phần đã đăng ký với mức giá như sau:

STT lệnh	Mức giá đặt mua		Khối lượng cổ phần đặt mua
	Bằng số	Bằng chữ	
1...			
2...			
Tổng số:			

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ

(Người đại diện ký, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 02 - Giấy ủy quyền
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày... tháng... năm...

GIẤY ỦY QUYỀN

Kính gửi: Hội đồng bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược của ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) tại... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

Tên tổ chức:

Số ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Người đại diện:

CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp đấu giá cổ phần của ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa) được tổ chức vào ngày ... tại... (tên Sở Giao dịch chứng khoán), nay tôi:

ỦY QUYỀN CHO

Ông(Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Thay mặt tôi tham gia đấu giá cổ phần của ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa), bao gồm các công việc sau:

1. Làm thủ tục đăng ký tham gia đấu giá (điền thông tin và ký nhận vào Đơn đăng ký

tham gia mua cổ phần, nộp tiền đặt cọc/ký quỹ/bảo lãnh và nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá).

2. Ghi giá, khối lượng, ký nhận vào Phiếu tham dự đấu giá và trực tiếp tham gia phiên đấu giá.

Ông (Bà) _____ có nghĩa vụ thực hiện đúng các quy định về đấu giá của ... (tên doanh nghiệp cổ phần hóa), không được ủy quyền cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại kết quả đấu giá cho người ủy quyền.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(ký, họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký họ tên và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 03 – Đơn đề nghị sửa đổi thông tin đăng ký tham gia đấu giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THAM GIA ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán ... (tên Sở Giao dịch chứng khoán)

Tên tổ chức:

Số ĐKKD:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

(Tên tổ chức tham gia đấu giá) đã thực hiện đăng ký tham gia đấu giá cổ phần của ...
(tên doanh nghiệp cổ phần hóa) tại... (tên Sở Giao dịch chứng khoán).

Nay (tên tổ chức tham gia đấu giá) đề nghị sửa đổi thông tin đăng ký tham gia đấu giá
như sau:

Lý do

do

sửa

đổi

Xin chân thành cảm ơn./.

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ

(Người đại diện ký, đóng dấu (nếu có))

Mẫu số 04 - Đơn đề nghị cấp lại phiếu tham dự đấu giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

_____, ngày _____ tháng _____ năm 20...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHIẾU THAM DỰ ĐẤU GIÁ

Kính gửi: Đại lý đấu giá Công ty chứng khoán...

Tên _____ tổ _____ chức/cá _____ nhân:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/số ĐKKD: _____ Ngày cấp _____ Nơi _____ cấp

Mã _____ số _____ nhà _____ đầu _____ tư

Địa _____ chỉ _____ liên _____ lạc:

Điện _____ thoại:

Số tài khoản: _____ Mở tại _____

Ngày... chúng tôi/tôi đã nộp đơn đăng ký tham gia đấu giá cổ phần Công ty

Với số lượng: _____ (Viết bằng chữ: _____)

Và đã đặt cọc số tiền: _____ (Viết bằng chữ _____) tương đương
20% giá trị đăng ký theo giá khởi điểm.

Tại _____

Nay chúng tôi/tôi đề nghị được cấp lại Phiếu tham dự đấu giá, lý do:

- ☐ Phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xóa,...(đính kèm theo đơn này)
☐ Mất phiếu tham dự đã cấp

Trường hợp phát sinh tranh chấp liên quan đến Phiếu tham dự đấu giá của chúng tôi/tôi thì chúng tôi/tôi sẽ có trách nhiệm chứng minh và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật. Chúng tôi/tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thật.

TÊN TỔ CHỨC THAM GIA ĐẤU GIÁ

(Ký đóng dấu (đối với tổ chức), ghi họ tên)

Phần dành cho Đại lý đấu giá/Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần:

Xác nhận đã nhận đơn đề nghị của nhà đầu tư:

Số CMND/Căn cước công dân/(ĐKKD) vào lúc giờ
ngày

NHÂN VIÊN GIAO DỊCH

(Ký, ghi họ tên)

KIỂM SOÁT

(Ký, ghi họ tên)

Bộ, ngành, UBND các tỉnh

Phụ lục số 10

Tên doanh nghiệp cấp I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ

Tài chính)

Tên doanh nghiệp cấp II (đối với CPH doanh nghiệp cấp II):...

TÌNH HÌNH NỘP TIỀN THU TỪ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

(Sau khi kết thúc đợt chào bán cổ phần lần đầu)

A. Một số thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ: 3. Điện thoại: 4. Fax:

5. Giấy đăng ký doanh nghiệp số:. Ngày

6. Số tài khoản: tại Ngân hàng

7. Mã số thuế:

8. Quyết định phê duyệt phương án CPH của cấp có thẩm quyền: số ngày... tháng....năm....

9. Vốn điều lệ theo phương án CPH được cấp có thẩm quyền phê duyệt: đồng, trong đó: vốn nhà nước/vốn của (tên doanh nghiệp cấp I) góp tại doanh nghiệp cấp II: đồng (chiếm% vốn điều lệ)

B. Tiền thu từ bán cổ phần lần đầu của doanh nghiệp nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo (ngày...)

Đơn vị: đồng

[illegible]

2.6	Bán theo phương thức dựng sổ												
II	Các khoản dự kiến hoàn trả doanh nghiệp theo quy định:												
1	Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá												
2	Phần thặng dư vốn tương ứng với số cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ để lại cho doanh nghiệp												
3	Hoàn trả doanh nghiệp cấp I theo giá trị sổ sách và thuế phải nộp - nếu có (đối với CPH doanh nghiệp cấp II)												
III	Chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động dôi dư:												
1	Chi phí cổ phần hóa												
2	Kinh phí lao động dôi dư												

Ghi chú

- DN báo cáo đầy đủ các thông tin nêu tại Mục A và Mục B

- Ngày hết hạn DN phải nộp tiền về Quỹ (cột 3) nêu tại Phụ lục này thực hiện theo thời hạn quy định tại Thông tư này.

- Cột (5) và cột (8): Lãi chậm nộp tính đến thời điểm doanh nghiệp báo cáo;

- Chỉ tiêu chi phí CPH và kinh phí lao động dôi dư theo phương án CPH đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và điền vào cột 4 "Tổng số"

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày...tháng...năm...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành, UBND các tỉnh

Phụ lục số 11

Tên doanh nghiệp cấp I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ

Tài chính)

Tên doanh nghiệp cấp II (đối với CPH doanh nghiệp cấp II):...

TÌNH HÌNH NỘP TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA TẠI THỜI ĐIỂM CHÍNH THỨC CHUYỂN THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN
(Theo số liệu doanh nghiệp tự xác định)

A. Một số thông tin về doanh nghiệp (Công ty cổ phần):

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ:

3. Điện thoại:

4. Fax:

5. Giấy đăng ký doanh nghiệp (cấp lần đầu) số: Ngày

6. Số tài khoản: tại Ngân hàng

7. Mã số thuế:

8. Vốn điều lệ tại Giấy đăng ký doanh nghiệp:

đồng, trong đó:

vốn nhà nước/vốn của (tên doanh nghiệp cấp I) tại doanh nghiệp cấp II: đồng (chiếm% vốn điều lệ),

B. Tiền thu từ cổ phần hóa tại thời điểm DN được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo (ngày...)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ngày DN thực	Ghi chú
----	----------	---------	--------------	---------

		Tổng số	Nợ gốc	Lãi chậm nộp	hiện nộp tiền về Quỹ	
1	2	3	4	5	6	7
I	Tổng số tiền phải nộp sau khi bán cổ phần lần đầu					
II	Tổng số tiền phải nộp về Quỹ tại thời điểm CTCP có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu (tạm xác định theo Khoản 6 Điều 12 Thông tư số 32/2021/TT-BTC)					
III	Tổng số tiền doanh nghiệp phải nộp về Quỹ (I+II)					
IV	Các khoản hoàn trả doanh nghiệp theo quy định, trong đó:					
1	Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá					
2	Phần thặng dư vốn tương ứng với số cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ để lại cho doanh nghiệp					
3	Hoàn trả doanh nghiệp cấp I theo giá trị sổ sách và thuế phải nộp - nếu có (đối với CPH doanh nghiệp cấp II)					
V	Số tiền doanh nghiệp đã nộp về Quỹ					
	(Chi tiết theo từng nội dung nộp tiền về Quỹ)					
VI	Số tiền DN còn phải nộp về Quỹ (III-IV-V):					
VII	Chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động dôi dư:					

1	Chi phí cổ phần hóa					
2	Kinh phí lao động dôi dư					

Ghi chú:

- Chỉ tiêu "Tổng số tiền phải nộp sau khi bán cổ phần lần đầu" lấy theo số liệu tại Mục I cột 4 Phụ lục 10.

- Trường hợp tại thời điểm báo cáo Phụ lục 11, DN chưa thực hiện báo cáo theo Phụ lục 10 thì đồng thời phải lập báo cáo theo cả Phụ lục 10 và Phụ lục 11

- Chỉ tiêu chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động dôi dư: theo số liệu thực tế DN đã chi trả (riêng kinh phí lao động dôi dư báo cáo trên cơ sở quyết định của cấp thẩm quyền phê duyệt phương án lao động dôi dư) và 2 chỉ tiêu này điền vào Cột 3.

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày...tháng...năm...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)

Bộ, ngành, UBND các tỉnh

Phụ lục số 12

Tên doanh nghiệp cấp I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ

Tài chính)

Tên doanh nghiệp cấp II (đối với CPH doanh nghiệp cấp II):....

TÌNH HÌNH NỘP TIỀN THU TỪ CỔ PHẦN HÓA SAU KHI CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN TẠI THỜI ĐIỂM CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP LẦN ĐẦU

A. Một số thông tin về doanh nghiệp:

1. Tên doanh nghiệp:

2. Địa chỉ: 3. Điện thoại:

4. Fax:

5. Số tài khoản: tại Ngân hàng ...

6. Mã số thuế:

7. Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký doanh nghiệp: đồng, trong đó: vốn nhà nước/vốn của (tên doanh nghiệp cấp I) tại doanh nghiệp cấp II: đồng (chiếm% vốn điều lệ).

8. Quyết định phê duyệt quyết toán vốn tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền: số ...ngày...tháng....năm.... của (tên cơ quan phê duyệt)

B. Tiền thu từ cổ phần hóa của DN với Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (Quỹ) tại thời điểm báo cáo (ngày...)

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Ngày hết	Ngày DN thực	Ghi chú
----	----------	---------	----------	--------------	---------

		Tổng số	Nợ gốc	Lãi chậm nộp	hạn DN phải nộp tiền về Quỹ theo quy định	hiện nộp tiền về Quỹ	
1	2	3	4	5	6	7	
I	Tổng số tiền phải nộp sau khi bán cổ phần lần đầu						
1	Phân chênh lệch giữa giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách kê toán tại doanh nghiệp với mức vốn điều lệ xác định theo quyết định phương án CPH						
2	Phải nộp từ bán cổ phần lần đầu						
2.1	Bán đấu giá công khai (sau khi trừ chi phí CPH, kinh phí lao động dôi dư theo quyết toán của cấp có thẩm quyền)						
2.2	Bảo lãnh phát hành						
2.3	Bán cổ phần cho người lao động						
2.4	Bán cổ phần cho tổ chức công đoàn						
2.5	Bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư khác						
2.6	Bán theo phương thức dựng sổ						
II	Số tiền phải nộp về Quỹ tại thời điểm CTCP có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quyết toán của cấp có thẩm quyền						

III	Tổng số tiền phải nộp về Quỹ (III=I+II):						
	Trong đó, chênh lệch tăng thêm so với số doanh nghiệp tự xác định						
IV	Các khoản phải hoàn trả lại cho doanh nghiệp theo quy định, trong đó:						
1	Giá trị tương ứng với số cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá						
2	Phần thặng dư vốn tương ứng với số cổ phần phát hành thêm trong cơ cấu vốn điều lệ để lại cho doanh nghiệp						
3	Hoàn trả doanh nghiệp cấp I theo giá trị sổ sách và thuế phải nộp - nếu có (đối với CPH doanh nghiệp cấp II)						
V	Số tiền doanh nghiệp đã nộp về Quỹ						
	(Chi tiết theo từng nội dung nộp tiền về Quỹ)						
VI	Số tiền còn phải nộp về Quỹ (VI=III-IV-V)						
VII	Chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động dôi dư:						
1	Chi phí cổ phần hóa						
2	Kinh phí lao động dôi dư						

Ghi chú:

- Chỉ tiêu "Chi phí cổ phần hóa và kinh phí lao động dôi dư" theo quyết toán của cấp có thẩm quyền và điền vào Cột 3 "Tổng số"

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

..., ngày...tháng...năm...

Người đại diện theo pháp luật

(Ký tên, đóng dấu)